

Số: 115^a/BC-UBND

Hương Toàn, ngày 18 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2021 xã Hương Toàn

Thực hiện Điều 34 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Công văn số 212/STNMT-QLĐĐ ngày 18/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2021; Công văn số 233/UBND-ĐĐ ngày 21/01/2021 của ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2021.

Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn báo cáo UBND thị xã, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Hương Trà về kết quả thống kê đất đai năm 2021, như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

Xã Hương Toàn là xã đồng bằng thuộc thị xã Hương Trà nằm ở phía Bắc thành phố Huế, cách trung tâm thị xã Hương Trà về phía Tây Nam khoảng 5 km.

- + Phía Đông giáp xã Hương Vinh, thành phố Huế
- + Phía Tây giáp phường Hương Xuân và phường Hương Chữ.
- + Phía Nam giáp với phường Hương Sơ, thành phố Huế.
- + Phía Bắc giáp xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền.

Là xã có đặc điểm chung của khí hậu vùng Trung Trung bộ là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và chịu tác động của khí hậu biển.

Toàn xã có 3.014 hộ với 13.987 nhân khẩu, phân bố trên 11 thôn. Đời sống của người dân ở xã Hương Toàn trước đây chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và một số ngành nghề khác như mộc dân dụng, cơ khí,... Trong những năm gần đây, nhờ vào những định hướng phát triển kinh tế - xã hội, các dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp có nhiều bước phát triển. Đất sản xuất nông nghiệp từng bước thu hẹp dần nhằm thực hiện việc quy hoạch và phát triển các khu dân cư nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đô thị.

II. TÌNH HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

II.1. Phương pháp thu thập số liệu thống kê đất đai

Thu thập số liệu văn bản: Các quyết định thu hồi giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trên địa bàn xã, hồ sơ địa chính và các tài liệu liên quan khác tại xã và các đơn vị liên quan.

Phương pháp điều tra số liệu ngoại nghiệp: Tiến hành điều tra, đo đạc ngoài thực địa và bổ sung chỉnh lý trên bản đồ điều tra khoanh vẽ.

Phương pháp tổng hợp số liệu: cập nhật chỉnh lý biến động sử dụng đất và đối tượng sử dụng trong năm 2021 lên bản đồ theo kết quả thống kê năm 2021 và dùng phần mềm TKDesktop của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp số liệu thống kê đất đai năm 2021 theo quy định.

II.2. Nguồn gốc số liệu thu thập tại xã

Số liệu thu thập từ hồ sơ địa chính.

Số liệu thực hiện việc đăng ký đất đai của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn.

Số liệu kiểm kê năm 2020.

Số liệu về đất đai tại xã và các đơn vị có liên quan.

II.3. Độ tin cậy của số liệu thu thập và số liệu tổng hợp

Số liệu phục vụ cho công tác thống kê đất đai năm 2021 được thu thập từ nguồn hồ sơ địa chính và các tài liệu về đất đai có liên quan; ngoài ra được điều tra khoanh vẽ chỉnh lý ngoài thực địa nên đảm bảo được sự phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

Bộ số liệu thống kê đất đai được kết xuất từ phần mềm kiểm kê đất đai do Bộ tài nguyên và Môi trường phát hành nên bộ số liệu có độ chính xác cao, phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất.

III. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

III.1. Hiện trạng sử dụng đất

Theo kết quả thống kê đất đai đến ngày 31/12/2021, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 1.223,59 ha, được sử dụng như sau:

III.2. Phân bổ theo mục đích sử dụng:

* **Nhóm đất nông nghiệp:** Diện tích: 799,95 ha, chiếm 65,38% so với diện tích đất tự nhiên của xã.

Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích: 796,83 ha, chiếm 65,12 % so với diện tích đất tự nhiên của xã.

- Đất trồng cây hàng năm: Diện tích: 719,30 ha, chiếm 58,79 % so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất trồng lúa: Diện tích: 652,91 ha, chiếm 53,36 % so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích: 66,39 ha, chiếm 5,43 % so với diện tích đất tự nhiên.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích: 77,53 ha, chiếm 6,34 % so với diện tích đất tự nhiên.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 3,12 ha, chiếm 0,26 % so với diện tích đất tự nhiên.

* **Nhóm đất phi nông nghiệp:** Diện tích: 418,38 ha, chiếm 34,19 % so với diện tích đất tự nhiên của xã.

Đất ở (tại nông thôn): Diện tích: 104,10 ha, chiếm 8,51 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất chuyên dùng: Diện tích: 93,3 ha, chiếm 7,62% so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 0,50 ha, chiếm 0,04 % so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích: 5,47 ha, chiếm 0,45 % so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích: 1,04 ha, chiếm 0,08 % so với diện tích đất tự nhiên.

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích: 86,28 ha, chiếm 7,05 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích: 3,39 ha, chiếm 0,28 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích: 14,54 ha, chiếm 1,19 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất nghĩa tang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích: 132,73 ha, chiếm 10,85 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích: 60,71 ha, chiếm 4,96 % so với diện tích đất tự nhiên.

Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích: 9,61 ha, chiếm 0,79 % so với diện tích đất tự nhiên.

* **Nhóm đất chưa sử dụng:** Diện tích: 5,25 ha, chiếm 0,43 % so với diện tích đất tự nhiên của xã.

III.3. Phân bố quỹ đất theo đối tượng sử dụng:

* **Hộ gia đình, cá nhân:** Sử dụng 719,32 ha, chiếm 58,79 % diện tích đã giao cho các đối tượng sử dụng, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 614,60 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 104,10 ha.

* **Các tổ chức kinh tế:** Sử dụng 1,26 ha, chiếm 0,1% diện tích đã giao cho các đối tượng sử dụng, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 0 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 1,26 ha.

* **Các cơ quan, đơn vị của Nhà nước:** Sử dụng 319,18 ha chiếm 26,09% diện tích đã giao cho các đối tượng sử dụng.

- Nhóm đất nông nghiệp: 184,73 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 134,45 ha.

* **Tổ chức sự nghiệp công lập:** Sử dụng diện tích 4,88 ha chiếm 0,40% diện tích đã giao cho các đối tượng sử dụng, đây là đất xây dựng công trình sự nghiệp.

- Nhóm đất nông nghiệp: 0 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 4,88 ha.

* **Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo:** Sử dụng 17,94 ha, chiếm 1,47% diện tích đã giao cho các đối tượng sử dụng, trong đó đất cơ sở tôn giáo là: 3,39 ha, và đất cơ sở tín ngưỡng là: 14,54 ha.

III.4. Phân bố quỹ đất theo đối tượng quản lý:

* **UBND cấp xã:** Đang quản lý 109,77 ha chiếm 8,97 % diện tích giao cho các đối tượng quản lý, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 0 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 104,67 ha.
- Nhóm đất chưa sử dụng: 5,11 ha.

* **Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ):** Đang quản lý 0,14 ha chiếm 0,01%.

* **Cộng đồng dân cư và tổ chức khác:** Đang quản lý 51,09 ha chiếm 4,18% diện tích giao cho các đối tượng quản lý.

- Nhóm đất nông nghiệp: 0 ha.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 51,09 ha.

III.5. Tình hình biến động đất đai (so với năm 2020) và phân tích nguyên nhân biến động

Tổng diện tích tự nhiên của xã Hương Toàn qua thống kê đất đai 2021 là 1.223,59 ha, không thay đổi so với kỳ thống kê năm 2020.

Tình hình tăng giảm một số loại đất trong năm 2021, như sau:

*** Đất nông nghiệp.** Giảm 0,14 ha, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: Giảm 0,14 ha gồm:

+ Đất trồng cây lâu năm: Giảm 0,14 ha là do chuyển sang ở tại nông thôn và đất có mục đích công cộng (tự nguyện trả lại đất làm đường giao thông và chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân).

*** Đất phi nông nghiệp:** Tăng 0,11 ha. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Tăng 0,1 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm (đất vườn liền kề trong cùng thửa đất ở) được UBND huyện ra quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng.

- Đất có mục đích công cộng: Tăng 0,03 ha do hộ gia đình tự nguyện trả lại đất làm đường giao thông.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Giảm 0,02 do thu hồi đất thực hiện khu quy hoạch phân lô đất ở thôn Giáp Đông.

*** Đất chưa sử dụng:** Tăng 0,03 ha do nhận từ đất có mục đích công cộng 0,01 ha và đất mặt nước chuyên dùng 0,02 ha (thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch phân lô khu dân cư thôn Giáp Đông).

III.6. Các biểu mẫu được tổng hợp từ kết quả thống kê đất đai năm 2021

Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp xã gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 05/TKĐĐ và 05a/TKĐĐ; Phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của xã gồm các biểu 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ và 14/TKĐĐ.

IV. KẾT LUẬN

Thống kê đất đai định kỳ hàng năm là một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai được quy định tại Điều 34 Luật Đất đai năm 2013.

Thống kê đất đai năm 2021 có những ưu điểm đó là:

Được thực hiện trên cơ sở áp dụng các thành tựu mới của công nghệ vào việc điều tra, khoanh vẽ các loại đất tại thực địa để xây dựng bản đồ kết quả điều tra thống kê năm 2021 trên cơ sở kế thừa bản đồ và kết quả thống kê năm 2020.

Việc xử lý, tổng hợp số liệu thống kê đất đai được thực hiện xuyên suốt từ xã, đến cấp thị xã và tỉnh bằng phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nhìn chung thống kê đất đai năm 2021 đã thống kê và phân tích, đánh giá đúng hiện trạng sử dụng, quản lý đất; đồng thời thành lập bộ hồ sơ về số liệu đất đai có chất lượng và độ tin cậy cao. Những kết quả thu được từ thống kê đất đai năm 2021 là cơ sở để nắm chắc và quản lý chặt chẽ quỹ đất của địa phương, sử dụng đất có hiệu quả và làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã nói riêng và của thị xã, tỉnh nói chung.

V. KIẾN NGHỊ CÁC CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRONG QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT

Đây mạnh tuyên truyền, phổ biến những chính sách về đất đai để người sử dụng đất hiểu rõ và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mình.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất đăng ký kê khai, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ cấp xã để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trang thiết bị vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý đất đai cần được quan tâm đầu tư như máy vi tính, công nghệ và các tài liệu liên quan khác...

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý sử dụng đất, xử lý sau thanh tra.

Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, nhất là liên quan đến thủ tục hành chính và đẩy nhanh cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện cho người dân thực hiện được quyền lợi và nghĩa vụ của mình dễ dàng hơn.

Tiến hành rà soát việc lập, cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính để đảm bảo mọi trường hợp cấp Giấy chứng nhận phải được cập nhật theo quy định; đưa công tác này đi vào nề nếp, trước mắt đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi biến động đất đai.

Trên đây là nội dung kết quả thống kê đất đai năm 2021 xã Hương Toàn, UBND xã báo cáo UBND thị xã, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Hương Trà./.

Nơi nhận:

- Phòng TN&MT thị xã;
- TV Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Lưu: VT./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH